

ĐÀO TẠO NGUỒN NHÂN LỰC THỂ DỤC THỂ THAO TRONG THỜI KỲ PHÁT TRIỂN MỚI CỦA ĐẤT NƯỚC

Trương Anh Tuấn⁽¹⁾
Nguyễn Tôn Hoài⁽²⁾

Để phát triển bền vững đất nước trong thời kỳ mới, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020 của Chính phủ đã xác định ba khâu đột phá: *Một là*, Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, trọng tâm là tạo lập môi trường cạnh tranh bình đẳng và cải cách hành chính; *Hai là*, Phát triển nhanh nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, tập trung vào việc đổi mới căn bản nền giáo dục quốc dân, gắn kết chặt chẽ phát triển nguồn nhân lực với phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ; *Ba là*, Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, với một số công trình hiện đại, tập trung vào hệ thống giao thông và hạ tầng đô thị lớn.

Trong ba khâu đột phá chiến lược nói trên, có thể nói nguồn nhân lực chất lượng cao là nhân tố trung tâm. Vì xét đến cùng, đây là khâu quan trọng nhất trong ba khâu đột phá, có vai trò chi phối việc thực hiện các đột phá khác. Bởi chính con người tạo ra và thực thi thể chế, xây dựng bộ máy, quy hoạch và phát triển kết cấu hạ tầng. Thực hiện tốt khâu đột phá này sẽ làm tăng sức mạnh mềm của quốc gia, tạo ra sức mạnh tổng hợp, có ảnh hưởng quyết định đến việc xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ ngày càng cao trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng.

Tuy nhiên, hiện nay vấn đề nhân lực có trình độ đào tạo cao không tìm được việc làm trong hầu hết các ngành, nghề ở nước ta có xu hướng tăng lên đã và đang trở thành một trong những vấn đề nóng của xã hội, đồng thời là thách thức sống còn đối với không ít trường đại học, cao đẳng, trong đó có các cơ sở đào tạo nhân lực TĐTT. Thực tế này cho thấy, đào tạo nguồn nhân lực vốn mang nặng tính bao cấp từ đầu vào đến đầu ra đã không còn phù hợp với yêu cầu phát triển đất nước trong thời kỳ mới theo định

hướng kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế.

Hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng kèm theo sự giao lưu và tiếp biến văn hóa nói chung và văn hóa thể chất (TĐTT) nói riêng đã phát triển và thúc đẩy nhu cầu hoạt động và hưởng thụ các giá trị TĐTT của nhân dân. Nhân lực TĐTT vì vậy có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc thực hiện nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe, thể lực và nâng cao chất lượng sống của người dân; góp phần tích cực chuẩn bị nguồn nhân lực có chất lượng cao phục sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Nhu cầu khách quan này đã tạo nên một thị trường TĐTT mới và rộng lớn để có thể trao đổi các sản phẩm TĐTT, trong đó có nhân lực TĐTT. Tuy nhiên khác với cơ chế bao cấp trước đây, hầu hết nhân lực TĐTT hiện tại và trong tương lai phải tự tìm kiếm việc làm và phải có năng lực thích ứng với các yêu cầu của vị trí việc làm lựa chọn, phải đáp ứng được nhu cầu TĐTT của xã hội, nếu không họ sẽ thất nghiệp. Như vậy, chỉ những ai có phẩm chất tốt, năng lực chuyên môn cao và có năng lực thích ứng với yêu cầu nghề nghiệp mới có cơ hội tìm được việc làm, cho dù họ có được đào tạo trong các trường chuyên về TĐTT hay không.

Hiện nay, thị trường TĐTT nước ta, với xu hướng chủ yếu là thể thao chuyên nghiệp và các loại hình dịch vụ TĐTT có hình thức sở hữu đa dạng, trong thời gian tới chắc chắn sẽ tạo nên sự chuyển đổi mạnh mẽ về cơ cấu, về số lượng và chất lượng.

Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2023, dân số Việt Nam ước tính là 99.186.471 người, trong đó gần 70% có độ tuổi từ 15 đến 64 thuộc lực lượng lao động. Điều kiện sống được cải thiện và quá trình hội nhập quốc tế về văn hóa nói chung và văn hóa thể chất nói riêng đã tác động mạnh mẽ đến nhận thức, hứng thú và nhu cầu

⁽¹⁾TS, Trường Đại học TĐTT Bắc Ninh

⁽²⁾GV, Giảng viên TĐTT, Học viện Ngân Hàng, Phân viện Phú Yên

tập luyện TDTT nhằm nâng cao sức khỏe, thể lực và nâng cao chất lượng sống. Nhu cầu này ngày càng cao, ngày càng đa dạng và phong phú. Nhiều nội dung, hình thức rèn luyện thân thể mới được tiếp thu và phát triển nhanh chóng như: các hình thức và phương pháp dưỡng sinh: khí công, yoga, các bài quyền dưỡng sinh...; chạy tự do (Free Running, Parkour), tập luyện sức mạnh bằng cách khắc phục trọng lượng cơ thể (Bodyweight Training); Du lịch kết hợp với các môn thể thao mạo hiểm như: Chạy bền với các cự ly từ 5, 10, 20... đến hàng trăm km, Leo núi, Ô tô địa hình, Dù lượn, Chèo thuyền vượt thác...; Các môn TDTT giải trí như Võ đạo giải trí, Esport... Các hình thức tổ chức tập luyện và thi đấu TDTT quần chúng cũng phát triển nhanh, đa dạng với các hình thức dịch vụ có sở hữu khác nhau ngày càng thu hút người tập, nhất là thanh thiếu niên...

Bên cạnh đó, một số lĩnh vực khác như: Truyền thông TDTT, Tổ chức biểu diễn nghệ thuật kết hợp với TDTT, Kinh tế TDTT, Du lịch kết hợp với các hoạt động TDTT... còn rất thiếu, thậm chí chưa có nhân lực được đào tạo về TDTT. Đáng tiếc, hiện nay hầu như các trường Đại học TDTT còn chưa quan tâm nghiên cứu và chưa có kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu của các lĩnh vực và các đối tượng tập luyện nói trên.

Có thể nói thực tế trên vừa là thời cơ vừa là thách thức đối với các cơ sở đào tạo nhân lực TDTT.

Cho đến nay hầu hết các cơ sở đào tạo nhân lực TDTT ở nước ta (lực lượng chính là 03 trường Đại học TDTT thuộc ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch; 02 trường Đại học Sư phạm TDTT và các khoa Giáo dục thể chất thuộc các trường Đại học Sư phạm) chủ yếu đào tạo nguồn nhân lực TDTT công với phương thức vận hành theo cơ chế bao cấp. Theo đó nhân lực TDTT công có thể chia thành hai loại: công chức và viên chức. Hai loại nhân lực này đảm nhiệm những công việc khác nhau.

Công chức là những người thực thi chính sách và pháp luật TDTT. Khi chính sách nói chung và chính sách TDTT đã được ban hành thì họ thực thi ngay và cần phải thực thi một cách hiệu quả nhất. Hoạt động có hiệu quả của

đội ngũ công chức TDTT sẽ bảo đảm cho chính sách, pháp luật TDTT thật sự đi vào cuộc sống.

Nhân lực công thứ hai cũng rất quan trọng là viên chức TDTT (các cán bộ khoa học TDTT, y sinh học TDTT, báo chí TDTT, giáo viên TDTT, huấn luyện viên, hướng dẫn viên TDTT...), họ là những người giúp Nhà nước cung cấp dịch vụ TDTT công cho người dân (các công trình TDTT, cơ sở vật chất TDTT như nhà tập, sân tập, nhà thi đấu, dụng cụ tập luyện TDTT, huấn luyện viên, hướng dẫn viên TDTT...) để phát triển sự nghiệp TDTT và để bảo đảm công bằng xã hội trong hoạt động và hưởng thụ các giá trị TDTT. Lực lượng viên chức TDTT nhiều hay ít cùng tùy thuộc vào việc các dịch vụ do tư nhân cung cấp nhiều hơn hay Nhà nước cung cấp nhiều hơn.

Thực tiễn đổi mới tổ chức bộ máy hành chính công ở nước ta cho thấy nhu cầu nguồn nhân lực công nói chung và nguồn nhân lực TDTT công nói riêng ngày càng thu hẹp và yêu cầu về phẩm chất và năng lực đối với đội ngũ này ngày càng cao. Như vậy việc tìm kiếm công việc ở khu vực này của sinh viên TDTT sau tốt nghiệp ngày càng khó khăn. Các công trình nghiên cứu gần đây về việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp ở các ngành nghề, trong đó có ngành TDTT cũng cho thấy xu hướng trên, đồng thời các kết quả nghiên cứu cũng chỉ rõ một thực tế là đào tạo nguồn nhân lực hiện nay còn chưa đáp ứng nhu cầu xã hội nên số lượng sinh viên sau khi ra trường không tìm được việc làm có xu hướng ngày càng tăng. Nhân lực TDTT trong hiện tại và tương lai chủ yếu làm việc ở các khu vực dịch vụ ngoài Nhà nước và chịu sự chi phối của thị trường TDTT.

Thị trường TDTT phát triển đa dạng và phong phú sẽ có sức hút mạnh mẽ nguồn nhân lực TDTT kèm theo những yêu cầu và đòi hỏi ngày càng cao về chất lượng nguồn nhân lực. Muốn trao đổi sản phẩm trên thị trường TDTT đã hình thành và đang có xu hướng phát triển mạnh, các cơ sở đào tạo nhân lực TDTT cần hiểu rõ thị trường và phải có năng lực đáp ứng nhu cầu TDTT của xã hội. Nói một cách khác, nhà trường phải gắn nhiệm vụ đào tạo với thực tiễn thị trường TDTT thông qua việc thường xuyên nghiên cứu, đổi mới đào tạo để đáp ứng



Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao là vấn đề cần thiết và quan trọng trong thời kỳ phát triển mới của đất nước

các nhu cầu của thị trường TDTT. Đây là một yêu cầu bức thiết từ thực tiễn sử dụng nguồn nhân lực nói chung và nhân lực TDTT nói riêng của nước ta.

Để đáp ứng nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực TDTT trong thời kỳ phát triển mới của đất nước, chúng tôi xin nêu lên một số ý kiến sau:

- *Một là, Cần nhanh chóng tập trung nghiên cứu về nhu cầu của thị trường TDTT nước ta.*

Kết quả nghiên cứu sẽ trả lời các câu hỏi sau: Nên duy trì các ngành đào tạo nào (hiện đang đào tạo 4 ngành học: Giáo dục thể chất, Huấn luyện thể thao, Quản lý TDTT và Y học TDTT)? Nếu duy trì việc đào tạo ngành học cần đổi mới mục tiêu, nội dung chương trình và phương thức đào tạo như thế nào?; Nên dừng đào tạo ngành học nào?; Nên mở ngành đào tạo mới hay điều chỉnh, bổ sung nội dung chương trình đào tạo? Trong tương lai sẽ đào tạo ngành học nào? Cần tập trung vào bậc đào tạo nào (cử nhân, thạc sĩ hay tiến sĩ)? Mô hình nguồn nhân lực đào tạo TDTT và mục tiêu, yêu cầu đào tạo cần phải đạt được...?

Trả lời các câu hỏi trên là cơ sở để xác định “đầu vào” và “đầu ra” của sản phẩm đào tạo và là cơ sở để xác định các hình thức, phương thức và bậc đào tạo.

- *Hai là, Cần tập trung nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên.*

Giảng viên là những người trực tiếp giảng dạy, giáo dục, hướng dẫn và truyền thụ kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm cho sinh viên. Không có thầy giỏi về năng lực chuyên môn và

phẩm chất đạo đức tốt thì không thể có chất lượng đào tạo. Trong thời đại khoa học phát triển nhanh chóng, mạnh mẽ, kiến thức của nhân loại ngày càng nhiều thì vai trò định hướng, dẫn dắt, giáo dục của người thầy đối với học trò lại càng có ý nghĩa quyết định chất lượng giáo dục, đào tạo. Bởi vậy, xây dựng được đội ngũ giáo viên có đủ phẩm chất và năng lực là yếu tố then chốt quyết định sự thành công trong đào tạo nhân lực TDTT.

Trong những năm qua đội ngũ giảng viên của các trường Đại học TDTT được quan tâm bồi dưỡng,

nâng cao trình độ và năng lực chuyên môn. Số lượng giảng viên có trình độ đào tạo bậc thạc sĩ, tiến sĩ, có học hàm PGS, GS tăng lên rõ rệt, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo. Tuy nhiên thực tiễn cũng cho thấy, không ít người chỉ tập trung vào mục tiêu “bằng cấp” mà chưa quan tâm đầy đủ đến việc nâng cao năng lực nghề nghiệp, giữa bằng cấp đào tạo và năng lực nghề nghiệp của họ còn nhiều bất cập. Do vậy có thể nói nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên trước hết cần nâng cao nhận thức và hành động của từng giảng viên và cần hướng vào mục tiêu nâng cao đạo đức và năng lực nghề nghiệp. Tấm gương sáng về nhân cách, về lòng ham học, tinh thần tự học, đam mê nghiên cứu khoa học... của người thầy sẽ truyền cho sinh viên ngọn lửa đam mê nghiên cứu khoa học và tinh thần học tập suốt đời.

Nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên cần gắn với việc rà soát, xếp sếp, tổ chức đội ngũ này một cách khoa học nhằm phát huy tinh thần trách nhiệm, phát huy năng lực sáng tạo và phát huy sở trường của mỗi cá nhân.

- *Ba là, Gắn kết đào tạo với hoạt động thực tiễn TDTT*

Theo nhiều chuyên gia giáo dục, hiện nay đào tạo đại học nước ta còn nặng về lý thuyết, “học chưa đi đôi với hành” nhất là việc tổ chức hoạt động thực tập nghề nghiệp của sinh viên đại học nước ta còn nhiều hạn chế, yếu kém, chưa được nhà trường, giảng viên và sinh viên nhận thức đúng và đầy đủ. Việc học không đi

đôi với hành không thể đào tạo ra nguồn nhân lực chất lượng cao. Sinh viên ra trường không có kinh nghiệm thực tiễn mà chỉ có lý thuyết rất khó xin việc và khó đáp ứng yêu cầu xã hội.

Thực tập là cơ hội rèn nghề, củng cố và phát triển lòng yêu nghề nghiệp cũng như tìm kiếm cơ hội việc làm trong tương lai của sinh viên. Kết quả thực tập không chỉ giúp sinh viên đánh giá đúng năng lực của họ, giúp họ thấy rõ cần phải học gì và làm việc như thế nào mà còn giúp nhà trường nhận thức đúng sản phẩm đào tạo và nhu cầu sử dụng nhân lực của xã hội.

Như vậy, nâng cao chất lượng đào tạo để đáp ứng nhu cầu sử dụng nguồn nhân lực TĐTT của xã hội cần được nghiên cứu đổi mới theo hướng “học đi đôi với hành”, cần đẩy mạnh thực hành, thực tế trong suốt quá trình học tập của sinh viên. Nhà trường cần tạo điều kiện cho sinh viên làm quen và rèn luyện nghề nghiệp ngay trong quá trình học tập tại trường thông qua các hoạt động ngoại khóa để làm quen và học tập các môn thể thao, các loại hình TĐTT mới; tham quan thi đấu, trọng tài; tham gia tổ chức các cuộc thi đấu, trọng tài với quy mô và yêu cầu phù hợp. Cần làm cho giảng viên và sinh viên nhận thức đúng và đầy đủ về tầm quan trọng và giá trị thực tiễn của hoạt động thực tập. Cần lựa chọn và bố trí những giảng viên có trình độ và giàu kinh nghiệm thực tiễn hướng dẫn và chỉ đạo hoạt động thực tập của sinh viên. Chủ động phối hợp, liên kết và gắn bó với các tổ chức Nhà nước và tổ chức xã hội về TĐTT, với các doanh nghiệp, các cơ sở dịch vụ TĐTT ở Trung ương và địa phương, các tổ chức TĐTT ở cơ sở để các tổ chức này tham gia hỗ trợ hoạt động thực tập nghề nghiệp của sinh viên, phối hợp đào tạo theo kế hoạch chặt chẽ để triển khai thực hiện hiệu quả, kiểm tra, đánh giá kết quả thực tập nghiêm túc và chính xác.

Bốn là, Quan tâm giáo dục lòng yêu nghề nghiệp

Thực tiễn đào tạo của các cơ sở đào tạo nhân lực TĐTT nước ta cho thấy, số lượng sinh viên, học viên cao học say mê học tập, nghiên cứu ngày càng giảm. Số đông người học chỉ tập trung tìm cách có được chứng chỉ, bằng cấp. Điều này dễ dàng nhận biết thông qua tinh thần

và thái độ của họ trong học tập rèn luyện và nghiên cứu khoa học.

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến thực trạng trên, nhưng có một nguyên nhân, một yếu tố đặc biệt quan trọng vừa là tiền đề vừa là động lực thúc đẩy hoạt động giảng dạy và hoạt động học tập, đó là lòng yêu nghề thì lâu nay trong lĩnh vực TĐTT ít được quan tâm nghiên cứu và giáo dục.

Lòng yêu nghề tạo nên khát vọng tìm kiếm các biện pháp nâng cao chất lượng giảng dạy của người thầy và thúc đẩy sự nỗ lực, sáng tạo trong học tập, rèn luyện của người học. Phải có lòng yêu nghề mới có động lực thật sự để nâng cao năng lực chuyên môn. Nếu không có tình yêu nghề thực sự, sẽ không bao giờ thành công vì chỉ có lòng yêu nghề mới giúp mỗi người bước qua những khó khăn, chinh phục mọi thử thách và đạt được những thành công không thể ngờ tới. Không có lòng yêu nghề thì không có thầy giỏi, thầy tốt. Không có thầy tốt, thầy giỏi thì không có học trò giỏi, học trò tốt.

Tích cực đổi mới phương thức đào tạo thông qua các hoạt động nghiên cứu nhu cầu của thị trường TĐTT; Thông qua sự phối hợp nghiên cứu, chuyển giao công nghệ TĐTT, thu hút nguồn lực xã hội tham gia vào quá trình bồi dưỡng nhân lực TĐTT theo các hình thức mềm dẻo và thiết thực tại trường và liên kết với các địa phương; Thu hút và đăng cai tổ chức các giải thi đấu thể thao, huấn luyện thể thao; Tổ chức các hoạt động nghiên cứu khoa học và dịch vụ TĐTT trong quá trình đào tạo để có môi trường cho sinh viên học tập, nghiên cứu, thực tập, định hướng nghề nghiệp và bồi dưỡng lòng yêu nghề; Khơi dậy sự ham học hỏi, lòng say mê và lao động sáng tạo của người dạy và người học. Những điều trên đây chính là những việc cần làm ngay để nâng cao chất lượng sản phẩm đào tạo, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường TĐTT nước ta.

Cơ sở đào tạo nhân lực TĐTT muốn tồn tại và phát triển bền vững trong thời kỳ phát triển mới của đất nước cần phải có một tư duy mới, một hành động mới và một phương thức làm việc mới khác hẳn thái độ làm việc thụ động, trông chờ vào sự bao cấp của Nhà nước.

LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN THỂ DỤC THỂ THAO**4. Trương Quốc Uyên**

Các phong trào rèn luyện thể chất của đồng bào Việt Nam theo gương Bác Hồ vĩ đại

6. Trương Anh Tuấn; Nguyễn Tôn Hoài

Đào tạo nguồn nhân lực thể dục thể thao trong thời kỳ phát triển mới của đất nước

10. Nguyễn Hoàng Minh Thuận

Đào tạo sinh viên sư phạm ngành Giáo dục thể chất: Góc nhìn từ mô hình TPACK

BÀI BÁO KHOA HỌC**16. Nguyễn Văn Phúc**

Đề xuất mô hình giảm thiểu rủi ro thương tích trong hoạt động Thể dục thể thao ở Việt Nam

19. Đỗ Hữu Trường; Mai Thị Bích Ngọc

Định hướng phát triển thể thao mạo hiểm tại vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ giai đoạn 2025-2030

23. Phạm Việt Hùng

Mô hình đào tạo nguồn kế cận thể thao thành tích cao của một số nước trên thế giới và bài học đối với thể thao Việt Nam

29. Phonesooksin TESO; Đinh Thị Mai Anh

Thực trạng các yếu tố chủ quan đảm bảo chất lượng hoạt động Thể dục thể thao ngoại khóa của sinh viên Trường Đại học quốc gia Lào

33. Đinh Khánh Thu; Nguyễn Hữu Thành Thái

Đánh giá thực trạng các yếu tố ảnh hưởng phong trào tập luyện Dân vũ thể thao của người cao tuổi trên địa bàn quận Long Biên, Thành phố Hà Nội

38. Nguyễn Đức Thành

Năng lực tính toán của sinh viên các lớp Cờ vua sau ứng dụng các dạng bài tập phối hợp chiến thuật

42. Nguyễn Văn Hòa; Ngô Thị Thúy Nga

Giải pháp nâng cao chất lượng dạy học môn Thể dục cho sinh viên ngành Giáo dục thể chất Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh

48. Nguyễn Ngọc Nga; Cung Đức Liêm; Nguyễn Trương Phương Uyên

Thực trạng và nguyên nhân ảnh hưởng đến trình độ thể lực chung của nữ sinh viên ngành Quản trị kinh doanh Trường Đại học Tài chính – Marketing

52. Nguyễn Thị Diệp Ly; Dương Thái Bình

Lựa chọn và ứng dụng bài tập thể dục Aerobic phát triển thể lực chung cho sinh viên chuyên ngành Giáo dục thể chất, Trường Đại học Hồng Đức

56. Lê Thị Thanh Thủy; Nguyễn Như Phúc

Thực trạng các yếu tố ảnh hưởng tới việc dạy và học bơi ếch của học viên Trường Sĩ quan lục quân 1 – Sơn Tây – Hà Nội

62. Nguyễn Đức Thịnh

Hiệu quả ứng dụng bài tập đập bóng nhanh trước mặt ở vị trí số 3 cho nam sinh viên đội tuyển Bóng chuyền Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông

66. Bùi Danh Tuyên

Xác định nguy cơ chấn thương trong hoạt động tập luyện của các vận động viên đội tuyển Bóng rổ Trường Đại học Công Nghệ Đông Á

70. Phạm Việt Hùng; Nguyễn Thị Thu Quyết

Thực trạng hiệu quả tuyển chọn vận động viên môn Cử tạ tại Đội tuyển trẻ và Đội tuyển quốc gia Việt Nam

73. Kolakot Simuongsong

Lựa chọn hệ thống bài tập phát triển sức mạnh cho nam vận động viên Taekwondo nội dung thi đấu đối kháng (Kyorugi) lứa tuổi 14 - 17 Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào

TIN TỨC - SỰ KIỆN VÀ NHÂN VẬT**76. Minh Đức**

Xây dựng và phát triển Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh giai đoạn 1965-1975

78. Phạm Tuấn Dũng; Nguyễn Văn Đông

Bài tập phát triển cơ tay, ngực với tạ đôi

80. Thẻ lệ viết và gửi bài.

THEORY AND PRACTICE OF SPORTS

4. Truong Quoc Uyen

Physical training movements of Vietnamese people following the example of great Uncle Ho

6. Truong Anh Tuan; Nguyen Ton Hoai

Training human resources for physical education and sports in the new development period of the country

10. Nguyen Hoang Minh Thuan

Training of Physical Education Pedagogical Students: Perspective from the TPACK Model

ARTICLES

16. Nguyen Van Phuc

Proposing a model to reduce injury risks in sports activities in Vietnam

19. Do Huu Truong; Mai Thi Bich Ngoc

Orientation for developing adventure sports in the Northern Midlands and Mountains in the period 2025-2030

23. Pham Viet Hung

Models of training high-performance sports successors in some countries around the world and lessons for Vietnamese sports

29. Phonesooksin TESO; Dinh Thi Mai Anh

Current status of subjective factors ensuring the quality of extracurricular sports activities of students at the National University of Laos

33. Dinh Khanh Thu; Nguyen Huu Thanh Thai

Assessment of the current status of the folk dance and sports movement of the elderly in Long Bien District, Hanoi City

38. Nguyen Duc Thanh

Evaluation of the computational ability of chess students after applying tactical coordination exercises

42. Nguyen Van Hoa; Ngo Thi Thuy Nga

Solutions to improve the quality of teaching physical education for students of Physical Education at Bac Ninh University of Physical Education and Sports

48. Nguyen Ngoc Nga; Cung Duc Liem; Nguyen Truong Phuong Uyen

Current situation and causes affecting the general physical fitness level of female students majoring in Business Administration at the University of Finance - Marketing

52. Nguyen Thi Diep Ly; Duong Thai Binh

Selection and application of aerobic exercises to develop general physical fitness for students majoring in Physical Education, Hong Duc University

56. Le Thi Thanh Thuy; Nguyen Nhu Phuc

Current status of factors affecting teaching and learning frog swimming of students of Army Officer School 1 - Son Tay - Hanoi

62. Nguyen Duc Thinh

Effective application of exercises to improve the efficiency of fast front smash at position number 3 for male students of the Volleyball team of the Academy of Posts and Telecommunications Technology

66. Bui Danh Tuyen

Identifying the risk of injury during training activities of athletes of the Basketball Team of Dong A University of Technology

70. Pham Viet Hung; Nguyen Thi Thu Quyet

Current status of effective selection of weightlifting athlete at Vietnam Youth Team and National Team

73. Kolakot Simuongsong

Choosing a system of strength development exercises for male Taekwondo athletes in the competition (Kyorugi) age group of 14-17 in the Lao People's Democratic Republic

NEWS - EVENTS AND PEOPLE

76. Minh Duc

Construction and development of Bac Ninh Sports University in the period 1965-1975

78. Pham Tuan Dung; Nguyen Van Dong

Exercises to develop arm and chest muscles with dumbbells

80. Rules of writing and posting.



Tạp chí KHOA HỌC

ĐÀO TẠO VÀ HUẤN LUYỆN THỂ THAO

JOURNAL OF SCIENTIFIC TRAINING AND SPORTS COACHING

Ministry of Culture, Sports and Tourism - Bac Ninh Sport University

Trường Đại học Thể dục Thể thao Bắc Ninh - Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch

ISSN 1859-4417

Số 5 -2024
(83)

